

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ
HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ



**KỸ THUẬT BIÊN SOẠN
NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

I. Đặc điểm chung của phân mềm.....	3
1.1. Quản lý câu hỏi thi và đề thi	3
1.2. Độ khó và điểm của câu hỏi.....	4
1.3. Tính điểm bài thi	4
1.4. Bài thi gồm nhiều phần thi	4
II. Yêu cầu chung về soạn thảo	4
2.1. Công cụ soạn thảo	4
2.2. Định dạng văn bản.....	5
2.3. Soạn công thức, ký hiệu toán học	5
2.4. Vẽ hình	6
III. Các dạng câu hỏi được hỗ trợ	6
3.1. Câu hỏi chọn 1/4, 1/3, 1/2	6
3.1.1. Quy tắc	6
3.1.2. Ví dụ 1	6
3.1.3. Không cho đảo trật tự phương án trả lời.....	7
3.2. Câu hỏi chọn 1/n với $n > 4$	7
3.3. Câu hỏi phân loại.....	8
3.3.1. Quy tắc	8
3.3.2. Ví dụ	8
3.3.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi.....	9
3.4. Câu hỏi ghép cặp	9
3.4.1. Quy tắc	9
3.4.2. Ví dụ	9
3.4.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi.....	10
3.5. Câu hỏi chọn nhiều phương án đúng	11
3.5.1. Quy tắc	11
3.5.2. Ví dụ	11
3.5.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi.....	11
3.6. Câu điền giá trị	12
3.6.1. Quy tắc	12
3.6.2. Ví dụ	12
3.6.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi.....	12
3.7. Nhóm câu hỏi (câu hỏi theo ngữ cảnh)	12
3.7.1. Quy tắc	12
3.7.2. Ví dụ	12
3.7.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi.....	13
IV. Các yêu cầu đối với câu trắc nghiệm	14
4.1. Yêu cầu chung	14
4.2. Yêu cầu đối với phần dẫn.....	15
4.3. Yêu cầu đối với các phương án lựa chọn	15
4.4. Yêu cầu đối với phương án nhiễu	15
4.5. Yêu cầu đối với kho câu hỏi.....	16

4.5.1. Tổ chức kho câu hỏi.....	16
4.5.2. Nhân bản câu hỏi, tạo câu dẫn xuất.....	16

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA PHẦN MỀM

1.1. Quản lý câu hỏi thi và đề thi

Ngân hàng câu hỏi thi của một học phần là tập hợp tất cả các câu hỏi thi để dùng cho thi học phần đó. Các câu hỏi thi được chia thành các kho.

Kho câu hỏi thi trong một ngân hàng câu hỏi thi là tập hợp các câu hỏi thi có vai trò tương đương nhau, có thể thay thế nhau một cách tùy ý, ngẫu nhiên khi được sử dụng để xây dựng đề thi. Một ngân hàng câu hỏi thi thường bao gồm nhiều nhiều kho câu hỏi thi; mỗi kho câu hỏi thi bao gồm các câu hỏi thi có mức độ khó tương đương nhau thuộc cùng một phần kiến thức nhất định.

Ma trận đề thi là cách thức xây dựng đề thi gốc từ ngân hàng câu hỏi thi. Cụ thể, nó quy định thời gian làm bài thi và số lượng câu hỏi thi cần được bốc ngẫu nhiên từ mỗi kho câu hỏi thi. Với mỗi học phần có thể xây dựng nhiều ma trận đề thi khác nhau để sử dụng cho các mục đích khác nhau: thi thử, thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần...

Đề thi gốc là tập hợp các câu hỏi thi được bốc ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi theo một ma trận đề thi. Từ một đề thi gốc sẽ sinh ra một hoặc nhiều đề thi chính thức.

Đề thi chính thức là đề thi được cấp phát cho thí sinh làm bài thi, được tạo ra từ đề thi gốc bằng việc đảo trật tự câu hỏi thi và trật tự phương án trả lời trong mỗi câu hỏi thi. Tất cả đề thi chính thức được tạo ra từ cùng một đề thi gốc là hoàn toàn tương đương nhau.

Bộ đề thi chính thức là một tập hợp các đề thi chính thức được sử dụng cho một ca thi. Tập các đề thi chính thức này có thể được tạo ra từ 1 hoặc nhiều đề thi gốc. Các ca thi có thể sử dụng chung một bộ đề thi chính thức hoặc sử dụng các bộ đề thi chính thức khác nhau.

Sau khi được tạo ra, các đề thi gốc và đề thi chính thức được lưu trữ độc lập với ngân hàng câu hỏi thi. Tức là việc sửa đổi về sau trong ngân hàng câu hỏi thi sẽ không làm thay đổi các đề thi. Đây là một yếu tố quan trọng để thực hiện phúc tra bài thi trắc nghiệm nếu cần.

Trong thực tế quá trình chuẩn bị hệ thống, Phòng KT&ĐBCLĐT luôn tạo bộ đề thi chính thức với số lượng đề thi (chính thức) lớn hơn số lượng thí sinh trong phòng thi, đảm bảo mỗi thí sinh có một đề thi riêng. Như thế, ngay cả khi chỉ sử dụng một đề gốc chung cho cả ca thi thì khả năng “quay cóp” cũng được hạn chế đáng kể.

1.2. Độ khó và điểm của câu hỏi

Khi biên soạn một câu hỏi, có thể xác định *độ khó* cho câu hỏi đó. Độ khó nhận giá trị là các số nguyên từ 1 đến 4 với ý nghĩa biểu thị cho cấp độ kỹ năng cần có để trả lời được câu hỏi: 1-Dễ/Nhận biết, 2-Trung bình/Thông hiểu, 3-Khó/Vận dụng, 4-Rất khó/Vận dụng cao.

Mặc định, *điểm* cho mỗi câu hỏi là 1. Có thể gán số điểm khác cho từng câu hỏi, nhưng chỉ có thể nhận giá trị là số nguyên.

Đối với phần mềm thi trắc nghiệm thì độ khó của câu hỏi và điểm của câu hỏi là hoàn toàn độc lập. Mục đích của việc xác định độ khó cho từng câu hỏi chỉ là để xây dựng được các ma trận đề thi có độ khó mong muốn. Trên thực tế, đề thi thường bao gồm các câu hỏi có độ khó khác nhau nhưng điểm cho các câu đều bằng nhau.

1.3. Tính điểm bài thi

Gọi:

n là số câu hỏi trong một đề thi;

M_i là số điểm dành cho câu hỏi thứ i , với $i = 1..n$;

r_i là số điểm mà thí sinh đạt được khi trả lời câu hỏi thứ i : $0 \leq r_i \leq M_i$.

Khi đó, điểm bài thi của thí sinh quy về hệ điểm 10 là:

$$R = \frac{\sum_{i=1}^n r_i}{\sum_{i=1}^n M_i} \cdot 10$$

Đối với câu trắc nghiệm 1/4, 1/3, 1/2 thì $r_i = 0$ nếu thí sinh trả lời sai và $r_i = M_i$ nếu thí sinh trả lời đúng. Còn đối với các dạng câu trắc nghiệm khác thì r_i có thể nhận một giá trị trên đoạn $[0, M_i]$ tùy câu hỏi (cụ thể ở phần sau).

1.4. Bài thi gồm nhiều phần thi

Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu có nhu cầu, bài thi có thể được thiết kế gồm nhiều phần khác nhau, mỗi phần thi có thời gian thi riêng. Ví dụ, bài thi tiếng Anh gồm 2 phần: phần nghe và đọc hiểu 90 phút, phần viết 30 phút.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ SOẠN THẢO

2.1. Công cụ soạn thảo

Sử dụng Microsoft Word hoặc phần mềm tương thích để soạn thảo tập tin .doc hoặc .docx.

2.2. Định dạng văn bản

Thông nhất sử dụng cỡ chữ 12, phông chữ Times New Roman, trừ một số trường hợp đặc biệt như định dạng mã chương trình. Hãy chỉnh sửa lại style "Normal" theo thông số trên trước khi bắt đầu soạn thảo.

Tuyệt đối không sử dụng các ký hiệu, biểu tượng từ các phông chữ đặc biệt như: Symbol, Webdings, Wingdings...

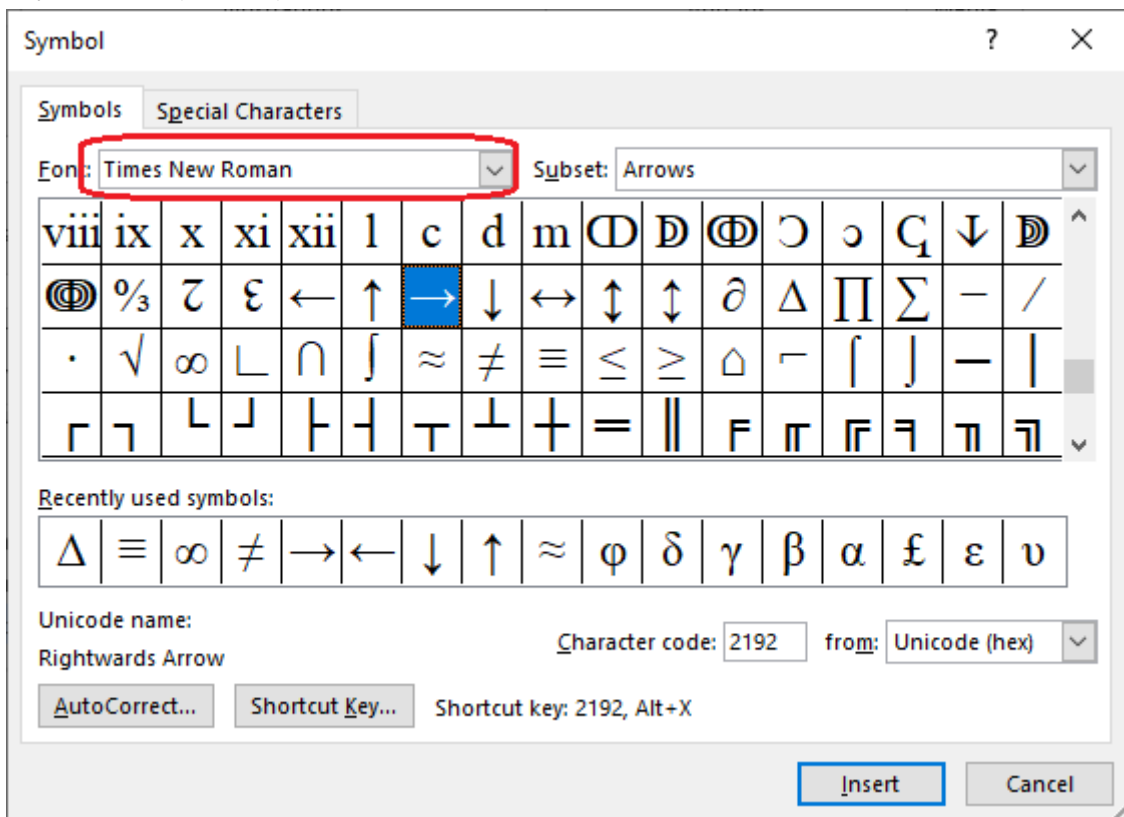
Hạn chế tối đa việc sử dụng hiệu ứng *in nghiêng*, **in đậm** khi soạn thảo. Ví dụ, để nhấn mạnh chữ "SAI", chữ "KHÔNG" trong câu dẫn, hãy sử dụng chữ IN HOA thay vì in nghiêng hay in đậm.

Hạn chế các thao tác định dạng thủ công: căn lề, chỉnh thước...

2.3. Soạn công thức, ký hiệu toán học

Luôn sử dụng MathType hoặc Microsoft Equation 3.0 để soạn công thức, chèn trực tiếp vào văn bản (**không** thực hiện copy-paste). Trong trường hợp không thể sử dụng các công cụ trên thì mới dùng công cụ soạn công thức được tích hợp trong MS Word¹.

Một số ký hiệu phổ biến như α β δ φ \approx \neq ∞ \equiv Δ \pounds \uparrow \downarrow \leftarrow \rightarrow ... thì có thể được chèn qua menu **Insert** > **Symbol** nhưng **BẮT BUỘC** phải sử dụng phông chữ **Times New Roman**. Lưu ý **không** sử dụng tính năng Autocorrect để tạo các kí hiệu như \rightarrow , \Rightarrow $\frac{1}{2}$,...



¹ Lý do là nhiều trường hợp gặp lỗi khi chuyển đổi sang LaTeX.

2.4. Vẽ hình

Câu hỏi có thể chứa hình vẽ ở cả nội dung hỏi và phương án trả lời.

Hãy sử dụng các công cụ chuyên vẽ hình (như MS Visio). Hạn chế vẽ bằng công cụ của MS Word vì: các điểm nối thường thiếu chính xác; chữ trong textbox dễ bị mất, bị che; khi copy dễ bị vỡ hình.

Trường hợp vẫn sử dụng công cụ vẽ của Word thì trước hết hãy chèn một Drawing Canvas (menu **Insert** > **Shapes** > **New Drawing Canvas**), sau đó vẽ lên trên (bên trong) canvas đó để tránh hiện tượng vỡ hình.

III. CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐƯỢC HỖ TRỢ

3.1. Câu hỏi chọn 1/4, 1/3, 1/2

3.1.1. Quy tắc

- Mỗi câu hỏi bao gồm 01 nội dung hỏi và 2-4 phương án trả lời theo sau nội dung hỏi.
- Nội dung hỏi có thể bao gồm một hoặc nhiều dòng, một hoặc nhiều đoạn.
- Mỗi phương án bắt đầu bằng một trong các ký tự A, B, C, D, ở đầu dòng, theo sau là một dấu chấm (.). Có thể viết hoa hoặc viết thường các ký tự A, B, C và D tùy ý. Dấu chấm phải liền sát ký tự A, B, C, D. Nói cách khác, mỗi phương án bắt đầu bằng một trong các cặp ký tự sau (không có dấu nháy kép): “A.”, “a.”, “B.”, “b.”, “C.”, “c.”, “D.”, “d.”). Có thể đánh dấu các phương án bằng tay hoặc sử dụng chức năng đánh thứ tự (Numbering) của Word để đánh dấu các phương án.
- Mỗi phương án có thể bao gồm một hoặc nhiều dòng, một hoặc nhiều đoạn.
- Phương án đầu tiên (“A” hoặc “a”) là phương án đúng (đáp án). Các phương án còn lại là phương án sai.
- Đánh dấu bắt đầu một phương án (cặp ký tự “A.”, “a.”, “B.”, “b.”, “C.”, “c.”, “D.” hoặc “d.” ở đầu dòng) cũng có ý nghĩa kết thúc nội dung hỏi hoặc phương án liền trước.
- Khuyến cáo sử dụng **chữ màu đỏ** để đánh dấu, khẳng định phương án đúng. Tuyệt đối không tô đậm hay in nghiêng phương án đúng vì định dạng đó sẽ được giữ nguyên khi nhập vào phần mềm.

3.1.2. Ví dụ 1

Câu 1. Thế giới có bao nhiêu châu lục?

- A. 5
- B. 4
- C. 6
- D. 7

Câu 2. Châu lục nào có diện tích lớn nhất thế giới?

- A. **Châu Á**

- B. Châu Mỹ
- C. Châu Phi

Câu 3. Nước nào là nơi tổ chức hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ nhất?

- A. Singapore
- B. Mỹ
- C. Triều Tiên
- D. Việt Nam

3.1.3. Không cho đảo trật tự phương án trả lời

Như đã trình bày trong mục 1.1, mặc định khi tạo các đề thi chính thức từ đề thi gốc, ngoài việc đảo trật tự các câu hỏi thi thì phần mềm cũng sẽ đảo trật tự các phương án trả lời trong mỗi câu hỏi. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người ra đề mong muốn giữ trật tự phương án trả lời; hoặc việc đảo trật tự các phương án trả lời sẽ dẫn đến câu hỏi bị sai ngữ nghĩa. Ví dụ có câu hỏi:

Câu 4. Đây là một thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam?

- A. Đà Nẵng
- B. Vinh
- C. Vũng Tàu
- D. Cả A, B, C đều sai.

Trong quá trình xây dựng đề thi chính thức, các phương án trả lời được đảo ngẫu nhiên và có thể thu được dạng “vô lý” sau đây:

Câu 4. Đây là một thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam?

- A. Cả A, B, C đều sai.
- B. Đà Nẵng
- C. Vũng Tàu
- D. Vinh

Nếu không muốn đảo trật tự các phương án trong câu hỏi, chúng ta đánh dấu các phương án lần lượt là (A), (B), (C) và (D). Lưu ý dùng dấu mở ngoặc và đóng ngoặc tròn để đánh dấu các phương án trong trường hợp này. Đồng thời, để cho biết đâu là phương án đúng (vì không phải là phương án thứ nhất như trước nữa), chúng ta thêm ký hiệu /X vào dòng mới sau phương án cuối cùng, trong đó X là tên phương án đúng (A, B, C hoặc D).

Câu 4. Đây là một thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam?

- (A) Đà Nẵng
 - (B) Vinh
 - (C) Vũng Tàu
 - (D) Cả A, B, C đều sai.
- /D

3.2. Câu hỏi chọn 1/n với $n > 4$

Loại câu hỏi này cần được biên soạn theo quy tắc đối với “Câu hỏi chọn nhiều phương án đúng” được trình bày dưới đây (mục 3.5). Tuy nhiên, thay vì thiết kế nhiều phương án đúng thì chỉ có 1 phương án đúng.

3.3. Câu hỏi phân loại

3.3.1. Quy tắc

- Câu hỏi được biên soạn dưới dạng bảng 7 cột x 13 dòng.
- Dòng 1 (“H”): Nội dung hỏi
- Dòng 2 (“K”): Độ khó (Không trực tiếp ảnh hưởng đến điểm, chỉ được sử dụng khi cần xây dựng ma trận đề thi đặc biệt)
- Dòng 3, 4: cố định
- 9 dòng tiếp theo thể hiện các “Lựa chọn” và các “Mục”.
- Các lựa chọn được thể hiện trong cột 1 và cột 2. Thứ tự được thể hiện bằng chữ cái: a, b, c,...
- Các mục được thể hiện trong cột 4 và cột 5. Thứ tự các mục được thể hiện bằng chữ số: 1, 2, 3,...
- Đáp án (phân loại đúng) được thể hiện trong cột 3.
- Thang điểm được thể hiện trong cột 6 và cột 7. Số điểm tối đa thí sinh đạt được chính là điểm của câu hỏi.

Lưu ý quan trọng: với câu hỏi phân loại thì hiện không có khả năng không chế trật tự của các "Nội dung lựa chọn" và các "Mục". Có nghĩa là phần mềm sẽ xáo trộn một cách ngẫu nhiên trật tự các đối tượng này khi xây dựng đề thi cụ thể cho thí sinh. Điều này cũng đúng với các dạng câu hỏi khác là trường hợp riêng của câu hỏi phân loại được trình bày ở các phần sau.

3.3.2. Ví dụ

Câu 8

H	Use the correct prepositions in the following sentences.					
K	2					
CÁC LỰA CHỌN			CÁC MỤC		THANG ĐIỂM	
TT	Nội dung lựa chọn	Thuộc mục	TT	Tên mục	Số lựa chọn phân loại đúng	Điểm
a	We met ____ a restaurant.	1	1	at	1	0
b	He walked ____ great speed.	1	2	in	2	0.25
c	I'll see you ____ nine o'clock.	1	3	on	3	0.5
d	The computer is ____ the closet.	2	4		4	0.75
e	He worked ____ advertising.	2	5		5	1
f	They took a walk ____ the city.	2	6		6	1.25
g	The book is ____ the table.	3	7		7	1.5
h	He was ____ the Planning Committee.	3	8		8	1.75
i	The house is ____ Fifth Avenue.	3	9		9	2

Ghi chú: “Số lựa chọn phân loại đúng” được tính theo số lượng các “Nội dung lựa chọn” được phân đúng theo các “Tên mục”.

3.3.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi

Câu 8. Choose a correct preposition to complete each sentence?

		in	on	at
a.	We met ____ a restaurant.			
b.	They took a walk ____ the city.			
c.	I'll see you ____ nine o'clock.			
d.	The computer is ____ the closet.			
e.	He worked ____ advertising.			
f.	The house is ____ Fifth Avenue.			
g.	The book is ____ the table.			
h.	He was ____ the Planning Committee.			
i.	He walked ____ great speed.			

Khi làm bài, với mỗi câu a, b,.. i, thí sinh thực hiện phân loại nó bằng cách tích chọn một trong các cột “in”, “on”, “at”.

3.4. Câu hỏi ghép cặp

3.4.1. Quy tắc

Là trường hợp riêng của câu hỏi phân loại khi số lượng *Lựa chọn* đúng bằng số *Mục* (và quan hệ giữa *Lựa chọn* và *Mục* là quan hệ 1:1). Các đặc điểm riêng bao gồm:

- Điền giá trị 0 vào tất cả các ô ở cột 3.
- Cặp đúng được thể hiện trên cùng một dòng. Tức là lựa chọn a thuộc mục 1, lựa chọn b thuộc mục 2,...

3.4.2. Ví dụ

Câu 9

H	Read the sentences. Using the context, guess the meanings of the boldfaced words and expressions. Then match them with their definitions.					
K	2					
CÁC LỰA CHỌN			CÁC MỤC			THANG ĐIỂM
TT	Nội dung lựa chọn	Thuộc mục	TT	Tên mục	Số lựa chọn phân loại đúng	Điểm
a	the fee for using	0	1	Don't forget to pay the fare when	1	0

	transportation			you get on the bus.		
b	prices (per minute, hour, night, etc.)	0	2	Hotel rates are more expensive during the holiday season.	2	0
c	leaves	0	3	The train departs at 10:00 AM and arrives at 1:00 PM.	3	0
d	reserve	0	4	You should book your tickets several weeks before you travel.	4	0
e	buy	0	5	Most people purchase their tickets with credit card instead of cash.	5	0
f	not something you can get money back	0	6	I change my mind about my trip, but I couldn't get my money back because the ticket was nonrefundable .	6	0.5
g	spent one night	0	7	Jenny stayed over at her friend's house because she was too tired to drive home.	7	1
h	time or date when something must be done by	0	8	The deadline for purchasing the ticket next Monday.	8	1.5
i	taking one to a place and back again	0	9	I want to take the train to Disneyland and come back to my hotel the same evening, so I need a round-trip ticket.	9	2

Ghi chú: “Số lựa chọn phân loại đúng” được tính là số lượng cặp đúng.

3.4.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi

Câu 9. Read the sentences. Using the context, guess the meanings of the boldfaced words and expressions. Then match them with their definitions.

- | | |
|---|---|
| 1_____ The train departs at 10:00 AM and arrives at 1:00 PM. | a. the fee for using transportation |
| 2_____ I change my mind about my trip, but I couldn't get my money back because the ticket was nonrefundable . | b. spent one night |
| 3_____ The deadline for purchasing the ticket next Monday? | c. buy |
| 4_____ You should book your tickets several weeks before you travel | d. leaves |
| 5_____ I want to take the train to Disneyland and come back to my hotel the same evening, so I need a round-trip ticket. | e. reserve |
| 6_____ Hotel rates are more expensive during the holiday season. | f. taking one to a place and back again |

- 7 _____ Jenny **stayed over** at her friend's house because she was too tired to drive home.
- 8 _____ Don't forget to pay the **fare** when you get on the bus.
- 9 _____ Most people **purchase** their tickets with credit card instead of cash.
- g. time or date when something must be done by
- h. not something you can get money back
- i. prices (per minute, hour, night, etc.)

3.5. Câu hỏi chọn nhiều phương án đúng

3.5.1. Quy tắc

Câu hỏi chọn nhiều phương án đúng là trường hợp riêng của câu phân loại khi các mục là Đúng và Sai. Các đặc điểm riêng:

- Cột tên mục được bỏ trống,
- Lựa chọn thuộc mục Đúng được đánh dấu 1, lựa chọn thuộc mục Sai được đánh dấu 0.

3.5.2. Ví dụ

H	Which of the following can be means of public transportation. Choose 3 answers.					
K	2					
CÁC LỰA CHỌN			CÁC MỤC		THANG ĐIỂM	
TT	Nội dung lựa chọn	Thuộc mục	TT	Tên mục	Số lựa chọn phân loại đúng	Điểm
a	Buses	1	1		1	0
b	Trains	1	2		2	0
c	Airplanes	1	3		3	0
d	Motobikes	0	4		4	0.5
e	Bicycles	0	5		5	1

Ghi chú: “Số lựa chọn phân loại đúng” được tính theo số lượng các “Nội dung lựa chọn” được xác định đúng là thuộc mục 1 (“Đúng”) và mục 0 (“Sai”) chứ không phải chỉ là số lượng các phương án đúng được thí sinh chọn là “Đúng”. Tức là trong một câu hỏi có x phương án trả lời, trong đó có y phương án là “Đúng” thì “Số lựa chọn phân loại đúng” tối đa là x , không phụ thuộc y .

3.5.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi

Câu 10. Which of the following can be means of public transportation. Choose 3 answers.

- a. Motobikes
- b. Trains
- c. Bicycles
- d. Buses
- e. Airplanes

3.6. Câu điền giá trị

3.6.1. Quy tắc

Đối với câu điền giá trị, thay vì được chọn đáp án từ danh sách có sẵn, thí sinh sẽ phải điền một giá trị vào ô trống. Có thể có 1 hoặc một số phương án được chấp nhận là đúng.

- Câu hỏi gồm câu dẫn và danh sách các phương án trả lời được chấp nhận.
- Các phương án đặt trong cặp dấu ngoặc nhọn, phân tách bởi dấu chấm phẩy.

Lưu ý rằng thí sinh phải điền tuyệt đối chính xác thì mới được chấp nhận. Do vậy cần phải có phần yêu cầu rất cụ thể.

3.6.2. Ví dụ

Câu 3. Tìm nghiệm của phương trình $2x-1 = 0$.

Ghi chú: giá trị nghiệm làm tròn đến 1 chữ số thập phân sau dấu phẩy; điền giá trị nghiệm vào ô trống. Ví dụ: 11,2
{0,5; 0.5}

3.6.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi

Câu 3. Tìm nghiệm của phương trình $2x-1 = 0$.

Ghi chú: giá trị nghiệm làm tròn đến 1 chữ số thập phân sau dấu phẩy; điền giá trị nghiệm vào ô trống. Ví dụ: 11,2

Lúc này, thí sinh điền vào giá trị “0,5” hoặc “0.5” thì được ghi nhận là đúng, còn nếu điền vào “0.50” hay “1/2”... thì sẽ bị coi là trả lời sai.

3.7. Nhóm câu hỏi (câu hỏi theo ngữ cảnh)

3.7.1. Quy tắc

- Nhóm câu hỏi gồm phần ngữ cảnh (hướng dẫn/yêu cầu, đoạn văn hoặc/và tập tin audio/video) và phần câu hỏi.
- Phần câu hỏi gồm số lượng câu hỏi tùy ý; mỗi câu hỏi có thể thuộc loại bất kỳ đã trình bày ở trên (các câu hỏi trong cùng một nhóm không nhất thiết phải cùng một loại).

3.7.2. Ví dụ

Read the texts and circle the best answer

Over the past 600 years, English has grown from a language of few speakers to become the dominant language of international communication. English as we know it today emerged around 1350, after having incorporated many elements of French that were introduced following the Norman invasion of 1066. Until the 1600s, English was, for the most part, spoken only in England and had not extended even as far as two centuries, English began to spread around the globe as a result of exploration, trade (including slave trade), colonization, and missionary work. Thus, small enclaves of English speakers became established and grew in various parts of the world. As these communities proliferated, English gradually became the primary language of international business, banking and diplomacy.

Currently, about 80 percent of the information stored on computer systems worldwide is English. Two thirds of the world's science writing is in English, and English is the main language of technology, advertising, media, international airports, and air traffic controllers. Today there are more than 700 million English users in the world, and over half of these are nonnative speakers, constituting the largest number of non-native users than any other language in the world.

1. What is the main topic of this passage?
 - A. The expansion of English as an international language.
 - B. The number of non-native users of English.
 - C. The French influence on the English Language.
 - D. The use of English for science and technology.
2. In the first paragraph, the word "emerged" is closest in meaning to _____.
 - A. appeared
 - B. disappeared
 - C. frequented
 - D. engaged
3. In the first paragraph, the word "elements" is closest in meaning to _____.
 - A. features
 - B. declaration
 - C. curiosities
 - D. customs
4. Approximately when did English begin to be used beyond England?
 - A. after 1600
 - B. In 1066
 - C. around 1350
 - D. before 1600
5. According to the passage, approximately how many non-native users of English are there in the world today?
 - A. 350 million
 - B. a quarter million
 - C. half a million
 - D. 700 million

3.7.3. Ví dụ thể hiện trong đề thi

Câu 10-14: Read the following passage and then choose one offour given words to fill in each blank in the passage.

Of all my (1)____, I like my aunt Emily the best. She's my mother's younger sister. She isn't married, and she lives alone in a small village near Bath. She's in her late fifties, (2)____ she's still quite young in spirit. She has a fair complexion, thick brown hair which she wears in a bun, and dark brown eyes. She has a kind face, and when you meet her, the first thing you notice is her lovely, warm smile. Her face is little wrinkled now, but I think she is still rather attractive. She is the kind of person you can always ask for (3)____ when you have a problem.

She likes reading and gardening, and she goes for long walks over the hills with her dog, Buster. She's a very active person. She always makes something, mends something, or does something to help others. She does (4)_____for some of the old people in the village. She's quite generous, but she doesn't like people who (5)_____agree with her. I hope that I am as happy and contented as she is when I am her age.

Câu 10. (1)_____

- (A) relatives
- (B) friends
- (C) classmates
- (D) family

Câu 12. (3)_____

- (A) sure
- (B) need
- (C) money
- (D) help

Câu 14. (5)_____

- (A) didn't
- (B) doesn't
- (C) don't
- (D) won't

Câu 11. (2)_____

- (A) also
- (B) but
- (C) so
- (D) and

Câu 13. (4)_____

- (A) shops
- (B) shopping
- (C) shop
- (D) the shopping

IV. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÂU TRẮC NGHIỆM

Để biên soạn được câu trắc nghiệm khách quan tốt, người biên soạn không những cần nắm chắc nội dung kiến thức học phần mà còn cần phải hiểu rõ các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Có thể tóm lược một số yêu cầu như sau.

4.1. Yêu cầu chung

1. Câu hỏi phải được viết đúng theo yêu cầu của ma trận đề thi. Phải xác định một cách rõ ràng câu hỏi được xây dựng cho ô nào trong ma trận. Mỗi câu hỏi phải đo một kết quả học tập quan trọng (mục tiêu xây dựng).

2. Tuy có thể có nhiều loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan khác nhau, nhưng thông thường người ta sử dụng câu chọn 1/4.

3. Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống.

4. Tránh việc một câu trắc nghiệm này gợi ý cho một câu trắc nghiệm khác, giữ các câu độc lập với nhau.
5. Tránh việc sử dụng sự khôi hài.
6. Tránh viết câu không phù hợp với thực tế.

4.2. Yêu cầu đối với phần dẫn

1. Đảm bảo rằng các hướng dẫn trong phần dẫn là rõ ràng và việc sử dụng từ ngữ cho phép thí sinh biết chính xác họ được yêu cầu làm cái gì.
2. Để nhấn mạnh vào kiến thức thu được nên trình bày câu dẫn theo định dạng câu hỏi thay vì định dạng hoàn chỉnh câu.
3. Nếu phần dẫn có định dạng hoàn chỉnh câu, không nên tạo một chỗ trống ở giữa hay ở bắt đầu của phần câu dẫn.
4. Tránh sự dài dòng trong phần dẫn.
5. Nên trình bày phần dẫn ở thể khẳng định. Nếu sử dụng thể phủ định (có các từ “không đúng”, “không phải”, “không là”...) thì cần tô đậm, gạch chân từ phủ định để đảm bảo thí sinh hiểu đúng ý.

4.3. Yêu cầu đối với các phương án lựa chọn

1. Phải chắc chắn có và chỉ có một phương án đúng hoặc đúng nhất đối với câu chọn 1 phương án đúng/đúng nhất
2. Cần cân nhắc khi sử dụng những phương án có hình thức hay ý nghĩa trái ngược nhau hoặc phủ định nhau
3. Các phương án lựa chọn nên đồng nhất về mặt hình thức (độ dài, từ ngữ,...)
4. Tránh lặp lại một từ ngữ/thuật ngữ nhiều lần trong câu hỏi
5. Tránh sử dụng cụm từ “tất cả những phương án trên”, “không có phương án nào”
6. Tránh các thuật ngữ mơ hồ, không có xác định cụ thể về mức độ như “thông thường”, “phần lớn”, “hầu hết”,... hoặc các từ hạn định cụ thể như “luôn luôn”, “không bao giờ”, “tuyệt đối”...

4.4. Yêu cầu đối với phương án nhiễu

1. Phương án nhiễu không nên “sai” một cách quá lộ liễu;
2. Tránh dùng các cụm từ kỹ thuật có khuynh hướng hấp dẫn thí sinh thiếu kiến thức và đang tìm câu trả lời có tính thuyết phục để đoán mò;
3. Tránh sử dụng các cụm từ chưa đúng (sai ngữ pháp, kiến thức...): Hãy viết các phương án nhiễu là các phát biểu đúng, nhưng không trả lời cho câu hỏi.
4. Lưu ý đến các điểm liên hệ về văn phạm của phương án nhiễu có thể giúp học sinh nhận biết câu trả lời.
5. Mỗi phương án nhiễu là một câu trả lời hợp lý nhưng không chính xác với câu hỏi hoặc vấn đề được nêu ra trong câu dẫn. Nhưng nó chỉ hợp lý với

những sinh viên không có kiến thức hoặc không đọc tài liệu đầy đủ; nó không hợp lí đối với các sinh viên có kiến thức, chịu khó học bài.

6. Với mỗi phương án nhiều cần giải thích được nó “nhiều” như thế nào. Ngay cả khi đáp án là dạng số thì các phương án nhiều không phải là những giá trị ngẫu nhiên mà phải là kết quả tính toán theo một cách không đúng nào đó.

4.5. Yêu cầu đối với kho câu hỏi

4.5.1. Tổ chức kho câu hỏi

Các câu hỏi trong cùng một kho phải có độ khó tương đương nhau với hệ số điểm là như nhau.

Đối với kho câu hỏi nhóm thì số lượng câu hỏi (con) trong mỗi câu hỏi nhóm là phải bằng nhau. Ví dụ, mỗi câu hỏi nhóm đều gồm 5 câu hỏi con.

4.5.2. Nhân bản câu hỏi, tạo câu dẫn xuất

Một ngân hàng câu hỏi thi tốt không chỉ phải bao quát được các chuẩn đầu ra cần đánh giá mà còn phải có lượng câu hỏi lớn để có chống lại việc “học đề” thay vì “học bài” (việc lộ đề sau khi thi là khó tránh khỏi). Một cách hiệu quả để làm tăng số lượng câu hỏi trong ngân hàng là nhân bản câu hỏi, tức là tạo ra nhiều câu dẫn xuất từ một câu hỏi gốc, thông qua việc thay đổi một vài thông số. Như vậy, trong ngân hàng câu hỏi thi hoàn toàn có thể có các câu tương tự nhau. Ví dụ:

Câu 1. Nghiệm của phương trình $2x+1 = 0$ là

A. $1/2$

B. $-1/2$

C. 1

D. 2

Câu 2. Nghiệm của phương trình $-2x + 5 = 0$ là

A. $5/2$

B. $-5/2$

C. 5

D. -2

Tất nhiên, khi quyết định xây dựng ngân hàng câu hỏi thi với việc nhân bản câu hỏi như trên thì cần thiết kế ma trận đề thi để đảm bảo rằng không có 2 bản sao của cùng một câu hỏi sẽ cùng xuất hiện trong một đề thi. Nói cách khác, các câu hỏi được nhân bản phải thuộc về một kho nào đó mà từ kho đó chỉ được phép bốc 01 câu hỏi thi khi xây dựng đề thi.